

Bản án số: 55 /2018/HS-ST
Ngày 21 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Sơn-Bí Thư Đoàn thanh niên.

Ông Dương Văn Thế.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Hạnh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2018/ TLST-HS, ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn N.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 21/3/2002 tại xã V, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Bờ Lỡ, xã V, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề.
Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; con ông Trương Văn M, sinh năm 1963, con bà Dương Thị N, sinh năm 1980; Gia đình có hai anh em, bị can là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Trương Văn M, sinh năm 1963 (bố đẻ bị cáo)/ có mặt.

Trú tại: Xóm Bờ Lở, xã V, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Mạnh An, thuộc văn phòng luật sư An Toàn- Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

Người bị hại:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970/ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1967/ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Số 188, ngõ 6, khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 03/9/2018, Trương Văn N sinh ngày 21/3/2002 đi bộ từ ngã ba phụ tùng thành phố Sông Công để về nhà ở xóm Bờ Lở, xã V, thành phố S. Khi đi đến khu vực nhà bà Nguyễn Thị H ở xóm T, xã B, N nhìn từ ngoài đường vào phát hiện thấy trong phòng trọ số 3 ở dãy nhà trọ của gia đình bà H điện vẫn bật sáng. N tiến lại gần và nhìn qua khe cửa sổ thì thấy có hai người phụ nữ đang nằm ngủ trên giường (sau này xác định được đó là bà Trần Thị T, bà Phạm Thị Kim D nhà ở Bắc Ninh đến thuê nhà trọ để đi chữa bệnh), ở đầu giường có để 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime. Thấy vậy N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên, N đi ra cửa chính dùng tay đẩy thanh chốt ngang rồi mở cửa đi vào phòng trọ. N lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần bên trái đang mặc, rồi tiếp tục tìm tài sản thì thấy 01 chiếc túi xách màu xanh trên mặt ghế ở phía cuối giường, N mở túi ra lấy toàn bộ số tiền và 01 thẻ bảo hiểm mang tên Trần Thị T rồi đi ra khỏi phòng trọ. Khi ra khỏi phòng trọ, N đếm số tiền vừa trộm cắp được 5.183.000đ (Năm triệu một trăm tám mươi ba ngàn đồng) rồi cất vào túi quần và đi bộ ra hướng trung tâm thành phố Sông Công. Khi đi đến cầu treo V, N ném chiếc thẻ bảo hiểm y tế vào trong bột gác thu tiền vé qua cầu rồi tiếp tục đi bộ đến quán Game gần ngã tư Việt Đức thuộc phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công

chơi điện tử và tiêu sài hết 60.000đ (Sáu mươi ngàn đồng), số tiền còn lại 5.123.000đ 000đ (Năm triệu một trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Đến 9 giờ cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công triệu tập N đến làm việc, tại đây N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện nộp số tiền 5.123.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng) và điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime. Công an thành phố Sông Công đã tiến hành truy tìm, kết quả đã thu giữ tại ô cửa sổ của bất gác 01 chiếc thẻ bảo hiểm số HN 2272721605348 mang tên Trần Thị T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐDGTS ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime vỏ màu vàng (Gold) đã qua sử dụng có giá trị: 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn).

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime vỏ màu vàng (Gold); 01 thẻ bảo hiểm và số tiền 5.123.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng) đã được trả lại cho bà D, bà T là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 49/KSĐT ngày 25/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Trương Văn N ra trước TAND thành phố Sông Công để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 90, 91, 96 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt đối với bị cáo Trương Văn N, mà áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 12 tháng đến 15 tháng đối với bị cáo Trương Văn N.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo: Xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, nhất trí không áp dụng hình phạt, mà áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]*Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy có đủ cơ sở xác định khoảng 04 giờ ngày 03/9/2018, Trương Văn N đã lẻn vào phòng trọ số 3 ở dãy nhà trọ của gia đình bà Nguyễn Thị Hiền ở xóm Tân Sơn, xã Bình Sơn lấy 01 chiếc điện thoại và số tiền 5.183.000đ của bà Phạm Thị Kim D và bà Trần Thị T nhà ở Bắc Ninh đến thuê nhà trọ để đi chữa bệnh.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Văn N đã phạm vào Tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3]*Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn N là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, quá trình điều

tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trương Văn N khi phạm tội mới 16 tuổi 05 tháng 12 ngày, đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo mới 16 tuổi 08 tháng. Căn cứ Điều 91, 96 Bộ luật hình sự, xét không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo, mà áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là môi trường giáo dục có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, cũng đủ tác dụng, giáo dục đối với bị cáo trở thành công dân tốt.

[4]*Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo là người chưa thành niên do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]*Về trách nhiệm dân sự:* Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6]Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7]*Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trương Văn N** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 6 Điều 423, Điều 430 BLTTHS; khoản 4 Điều 91, Điều 96 Bộ luật hình sự:

- Không áp dụng hình phạt đối với bị cáo Trương Văn N.

- Áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo Trương Văn N 12 (mười hai) tháng. Thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng tính từ ngày bị cáo Trương Văn N chấp hành bản án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Văn N phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND TP. Sông Công;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Sông Công;
- CQTHAHS Công an TP. Sông Công;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CC T.H.A DS TP. Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu Nhường